

Bản án số: 107/2019/HS-ST
Ngày: 20-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hải

Ông Phan Công Chiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên-Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2019/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

LÊ THÁI D, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 260/1, ấp M, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thế D(đã mất) và bà Lê Thị H, sinh năm 1949; Bản thân bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2009/HSST ngày 30/7/2009 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố BT) đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2010/HSST ngày 01/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố BT đã xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2013/HSST ngày 22/4/2013 của Tòa án nhân dân thành phố BT đã xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự;

Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2019 cho đến nay. Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa;

**Bị hại:* Ông Lâm Quang S, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Số 288C, ấp BT, xã BP, thành phố BT (vắng mặt);

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đoàn Hữu D, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Số 09, ấp TS, xã TT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

**Người làm chứng:*

Bà Lê Ôn Ngọc Quế A, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Số 239/9, ấp TAT, xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 20/7/2019, bị cáo Lê Thái D và Lê Ôn Ngọc Quế A đi bộ trên đường liên xã từ xã Bình Phú về nhà của bị cáo ở ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố BT. Khi đi ngang nhà của ông Lâm Quang S ở số 288C, ấp Bình Thạnh, xã Bình Phú, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo nhìn thấy trước hàng rào nhà của ông S có dựng nhiều xe mô tô nhưng không có ai trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm. Để thực hiện ý định, bị cáo kêu Quế A đi trước, còn bị cáo ở lại đợi lúc vắng người sẽ lấy trộm xe. Lúc này, do nhà của ông S đang tổ chức đám giỗ có nhiều người ra vào nên bị cáo chưa dám thực hiện. Đợi một lúc mà chưa lấy được xe nên bị cáo đi theo Quế A và rủ Quế A quay trở lại khu vực gần nhà của ông S hái hoa hồng. Khi Quế A đang đứng hái hoa hồng, cách vị trí xe mô tô biển số 71F9-6562 của ông S đang dựng khoảng 20m, bị cáo chỉ cho Quế A nhìn thấy chiếc xe mô tô và nói “đằng kia có chiếc xe Wave kia em” thì Quế A trả lời: “Mầy muốn làm gì thì làm, tao không biết” rồi bỏ đi. Sau khi Quế A bỏ đi, bị cáo bước lại rút dây điện khởi động máy lấy xe mô tô biển số 71F9-6562 rồi điều khiển xe chạy theo Quế A. Khi theo kịp Quế A, bị cáo dừng xe lại chờ Quế A đến tiệm game bắn cá của ông Đoàn Hữu D ở ấp 3, xã Sơn Đông, thành phố BT chơi game. Chơi đến khuya thì bị cáo thua số tiền trên 3.000.000 đồng nên giao chiếc xe mô tô biển số 71F9-6562 cho D để cầm trả tiền thua game. Sau đó, hành vi của bị cáo bị phát hiện. Vật chứng thu giữ: 01 chiếc xe mô tô biển số 71F9-6562, nhãn hiệu Honda Anpha, màu xanh;

Theo Bảng Kết luận định giá trị tài sản số 728/KL-HĐĐG ngày 08/8/2019 của Hội đồng định giá thành phố BT kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu sơn xanh, biển số 71F9-6562, số máy HC08E-0012491, số khung HC08092Y-012473, trị giá tài sản ngày 20/7/2019 là 5.500.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 105/CT-VKSTPBT ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Lê Thái D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo bị Tòa án kết án về tội trộm cắp tài sản, đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, “Người phạm tội thành

khẩn khai báo”, gia đình bị cáo có công với đất nước theo quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Thái D từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ghi nhận bị hại ông Lâm Quang S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm. Ghi nhận người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Hữu D cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng do thua tiền game bị cáo phải cầm xe.

Bị cáo Lê Thái D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra không yêu cầu bị cáo bồi thường và họ có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của những người này cũng không trở ngại cho việc xét xử, cũng không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, vào ngày 20/7/2019, tại khu vực trước cổng nhà số 288C, ấp Bình Thạnh, xã Bình Phú, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo Lê Thái D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Lâm Quang S 01 chiếc xe mô tô biển số 71F9-6562, nhãn hiệu Honda Anpha, màu xanh, trị giá là 5.500.000 đồng.

[4] Bị cáo Lê Thái D là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị là 5.500.000 đồng. Với lỗi cố ý trực tiếp và vì động cơ tư lợi, bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở

hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật Hình sự bảo vệ. Bị cáo đã tái phạm, vừa chấp hành xong án phạt tù xong, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Bản cáo trạng số 105/CT-VKSTPBT ngày 31/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Lê Thái D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống, kinh tế và sinh hoạt của họ, gây mất trật tự, an toàn xã hội và bất bình trong Nhân dân nên cần nghiêm trị theo quy định của pháp luật, nhằm để cải tạo giáo dục bị cáo cũng như đề răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị Tòa án kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và tội trộm cắp tài sản nhưng vẫn tiếp tục phạm tội. Điều này chứng minh rằng bị cáo là người khó cải tạo giáo dục nên cần xử lý thật nghiêm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, gia đình bị cáo có công với đất nước nên có chiều hướng xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên không cần thiết áp dụng thêm hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại ông Lâm Quang S đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Hữu D cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng do thua tiền chơi game bị cáo phải cầm xe nên ghi nhận.

[9] Về Xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BT trả lại cho bị hại ông Lâm Quang S 01 chiếc xe mô tô biển số 71F9-6562, nhãn hiệu Honda Anpha, màu xanh.

Đối với Lê Ôn Ngọc Quế A mặc dù không tham gia cùng bị cáo khi được rủ trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 71F9-6562 nhưng lại không tố giác hành vi phạm tội của bị cáo, tuy nhiên do bị cáo bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 nên hành vi của Quế A không cấu thành tội không tố giác tội phạm và Đoàn Hữu D khi nhận cầm xe mô tô biển số 71F9-6562 không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Lê Thái D phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lê Thái D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Lê Thái D: 02 (hai) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2019.

2. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Lê Thái D phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000(Hai trăm ngàn) đồng;

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố BT (1b);
- Công an thành phố BT (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố BT (1b);
- Trung tâm TGPLNN tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Sơn Đông (1b);
- NTGTT (3b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoàn Trang

